TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU
Bản án số: 89/2026/DS-ST
Ngày 18-3-2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Liêm

Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa*:** Ông Lâm Văn Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 096177000581, cấp ngày 25/4/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của bà H1: Bà Lâm Thị Bé T, sinh năm 1961; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền đề ngày 25/9/2025 (Có mặt)

- *Bị đơn*: 1/ Bà Trần Thị Châu H2, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

2/ Ông Phạm N, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lâm Thị Bé T trình bày:

Vào ngày 12/9/2023 âm lịch, bà H có cho ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2 vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất hai bên thoả thuận 50.000 đồng/ngày. Nay bà H yêu cầu ông N và bà H2 trả lại số tiền vay vốn là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Vào ngày 17/8/2024 âm lịch, ông N và bà H2 có hỏi vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng, hình thức trả góp, mỗi ngày góp 500.000 đồng, thời hạn góp là 118 ngày, tổng số tiền vốn và lãi phải góp là 59.000.000 đồng. Sau khi vay thì ông N và bà H2 góp được 77 ngày với số tiền là 38.500.000 đồng, trong đó: vốn là 32.627.000 đồng, lãi 5.873.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 17.373.000 đồng. Nay bà H yêu ông N và bà H2 trả số tiền nợ gốc còn lại là 17.373.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 15/9/2024 âm lịch, ông N và bà H2 hỏi vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng, hình thức trả góp, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, thời hạn góp 240 ngày, tổng số tiền phải góp là 240.000.000 đồng. Sau khi vay thì ông N và bà H2 góp được 49 ngày với số tiền là 49.000.000 đồng, trong đó: tiền vốn là 40.833.000 đồng, lãi là 8.167.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 159.167.000 đồng. Nay bà H yêu ông N và bà H2 trả số tiền nợ gốc còn lại là 159.167.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 26/10/2024 âm lịch, ông N và bà H2 có vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, hình thức trả góp, mỗi ngày góp 500.000 đồng, thời hạn góp 240 ngày, tổng số tiền phải góp là 120.000.000 đồng. Sau khi vay thì ông N và bà H2 góp được 09 ngày với số tiền 4.500.000 đồng, trong đó: số tiền gốc là 3.750.000 đồng, lãi là 750.000 đồng, số tiền gốc còn nợ lại là 96.250.000 đồng. Nay bà H yêu ông N và bà H2 trả số tiền nợ gốc còn lại là 96.250.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 12/10/2024 âm lịch, bà H có mở dây hụi ngày loại 50.000 đồng, dây hụi có 80 chưng, ông N và H2 tham gia chơi 20 chưng. Sau khi tham gia thì ông N và bà H2 hốt đầu với số tiền trúng thăm là 5.000 đồng, số tiền hốt được là 71.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì ông N và bà H2 đóng hụi chết được 23 lần, còn nợ lại 57 lần đóng hụi chết với số tiền là 57.000.000 đồng.

Các lần vay và chơi hụi đều có làm biên nhận có chữ ký xác nhận của ông N và bà H2. Sau khi ông N và bà H2 mất khả năng thanh toán thì bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H2 và ông N trả nợ nhưng ông N và bà H2 cứ hẹn mà không thực hiện.

Tổng số tiền nợ vay gốc và nợ hụi ông N và bà H2 còn nợ bà H là 379.790.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu ông N và bà H2 trả cho bà H tổng số tiền 479.924.976 đồng, trong đó vốn là 418.500.000 đồng, lãi vay là 61.424.976 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà H chỉ yêu cầu số tiền nợ vay và nợ hụi là 379.790.000 đồng, rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi các khoản vay đối với bà H2 và ông N.

Đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2 Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án cũng đã triệu tập ông N và bà bà để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông N và bà H2 đều vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau phát biểu:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Thụ lý đơn khởi kiện, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về quyền và nghĩa vụ phải thực hiện, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc H đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2.

Buộc ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ngọc H tổng số tiền 379.790.000 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó: Nợ vay là 322.790.000 đồng, nợ hụi là 57.000.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc H đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2 về việc yêu cầu bà H2 và ông N trả số tiền nợ lãi vay là 61.424.976 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông N và bà H2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Ngọc H với bị đơn bà Trần Thị Châu H2, ông Phạm Ngọc L "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi" được quy định tại Điều 463, 471 Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị Châu H2, ông Phạm N có địa chỉ tại ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tòa án đã triệu tập ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2 hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông N và bà H2 vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử vắng mặt đối với ông N và bà H2 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

Tại đơn khởi kiện bà Trần Ngọc H yêu cầu ông N và bà H2 trả cho bà H tổng số tiền 479.924.976 đồng , trong đó vốn là 418.500.000 đồng, lãi là 61.424.976 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà H thay đổi yêu cầu đối với số tiền gốc, bà H chỉ yêu cầu ông N và bà H2 trả số tiền nợ vay là 322.790.000 đồng, nợ hụi là 57.000.000 đồng, tổng là 379.790.000 đồng và rút lại yêu cầu khởi kiện tính lãi vay đối với bà H2 và ông N.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc người đại diện hợp pháp của bà H thay đổi yêu cầu đối với số tiền nợ gốc và rút lại yêu cầu tính lãi vay đối với ông N và bà H2 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về số tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Biên bản ghi lời khai ngày 17/6/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh C đối với bà Trần Thị Châu H2 và Biên bản ghi lời khai ngày 17/6/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh C đối với ông Phạm Ngọc T1 ông N và bà H2 thừa nhận có vay của bà Trần Ngọc H tổng số tiền gốc là 405.000.000 đồng và số tiền nợ hụi là 57.000.000 đồng. Quá trình vay thì ông N và bà H2 đã trả được số tiền vốn vay và tiền hụi chết như bà H đã trình bày. Như vậy, việc bà H yêu cầu bà H2 và ông N trả cho bà H số tiền nợ vay và nợ hụi 379.790.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về phần lãi suất: Người đại diện theo uỷ quyền của bà H có yêu cầu rút lại yêu cầu tính lãi vay đối với ông N và bà H2. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc H đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2 về việc yêu cầu ông N và bà H2 trả số tiền nợ lãi 61.424.976 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2 phải chịu 18.989.500 đồng (Mười tám triệu chín trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng), theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc H đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2.

Buộc ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Ngọc H số tiền 379.790.000 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, ông N và bà H2 không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông N và bà H2 phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc H đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2 về việc yêu cầu bà H2 và ông N trả số tiền nợ lãi là 61.424.976 đồng (Sáu mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2 phải chịu 18.989.500 đồng (Mười tám triệu chín trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng), nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Trần Ngọc H không phải chịu án phí, bà H có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 11.599.000 đồng (Mười một triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004847 ngày 18/11/2025 được nhận lại.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Án xử sơ thẩm công khai bà Trần Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ